TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 905/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số: 820/2026/TLST-HNGĐ ngày 21/8/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy B**,** sinh ngày 20/9/1988; CCCD số: 03508800xxxx; Cấp ngày 15/11/2021; nơi ĐKHKTT và nơi ở: P, khu ĐTM C, phường T, thành phố Hà Nội

- Bị đơn: Chị Trần Thị T**,** sinh ngày 21/11/1987; CCCD số: 04018700xxxx; Cấp ngày 22/12/2021; nơi ĐKHKTT và nơi ở: P, khu ĐTM C, phường T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24/8/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Anh **Nguyễn Duy B** và chị **Trần Thị T** thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Duy B và chị Trần Thị T có một con chung là cháu Nguyễn Tú A, sinh ngày 31/01/2016. Ly hôn, anh Nguyễn Duy B và chị Trần Thị T thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Tú A cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18

tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh B có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T với mức 5.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 08/2026 cho đến khi cháu Tú A đủ 18 tuổi hoặc khi có đề nghị, thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức đóng góp, các khoản cho vay của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không đề nghị tòa giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Anh B tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0004385 ngày 21/8/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 11 - Hà Nội. Xác nhận Anh B đã nộp đủ án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 11-Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND xã Mỹ Thọ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nay là xã Bình Mỹ, tỉnh Ninh Bình) Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 14/5/2014;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy Trí